

Họ và tên học sinh : Số báo danh :

Mã đề 301

Câu 41. Ven biển nước ta có dạng địa hình nào sau đây?

- A. Sơn nguyên. B. Đầm phá. C. Cao nguyên. D. Núi lửa.

Câu 42. Vùng núi nước ta, làm ruộng bậc thang là biện pháp canh tác để

- A. chống ô nhiễm đất. B. cải tạo đất hoang.
C. chống xói mòn đất. D. bảo vệ đất rừng.

Câu 43. Giải pháp chủ yếu để phòng chống lũ quét ở vùng núi nước ta là

- A. xây dựng hồ thủy lợi. B. sử dụng đất hợp lí.
C. giao đất, giao rừng. D. định canh, định cư.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Địa chất khoáng sản, cho biết bồn trầm tích nào sau đây thuộc vùng thềm lục địa phía Nam nước ta?

- A. Nam Hải Nam. B. Tri Tôn. C. Nam Côn Sơn. D. Vịnh Bắc Bộ.

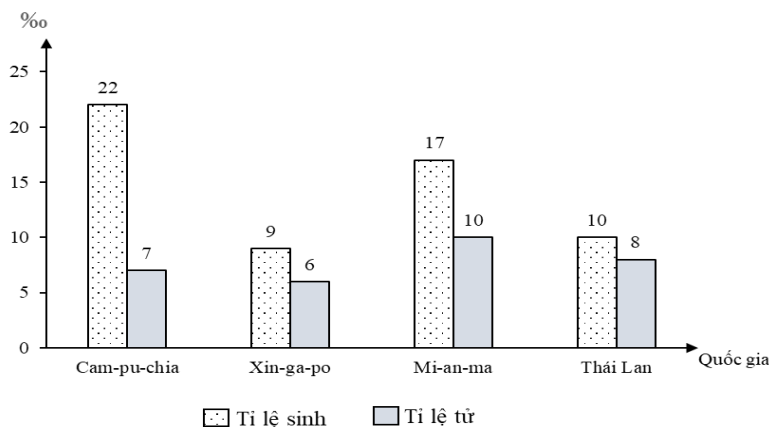
Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Địa chất khoáng sản, cho biết địa điểm nào sau đây có đất hiếm?

- A. Quỳnh Nhai. B. Phong Thổ. C. Chợ Đồn. D. Cổ Định.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vùng khí hậu Đông Bắc Bộ có địa điểm nào sau đây?

- A. Thanh Hóa. B. Điện Biên Phủ. C. Sa Pa. D. Hà Nội.

Câu 47. Cho biểu đồ:



TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2022

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của một số quốc gia năm 2022?

- A. Cam-pu-chia nhỏ hơn Mi-an-ma. B. Thái Lan lớn hơn Mi-an-ma.
C. Thái Lan thấp hơn Xin-ga-po. D. Mi-an-ma thấp hơn Xin-ga-po.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy sang Cam-pu-chia?

- A. Sông Trà Khúc. B. Sông Kỳ Lô. C. Sông Xê xan. D. Sông Đà Rằng.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền địa lí tự nhiên, cho biết vịnh biển nào sau đây nằm ở phía nam vịnh Vân Phong?

- A. Nước Ngọt. B. Xuân Đài. C. Cam Ranh. D. Quy Nhơn.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền địa lí tự nhiên, cho biết núi Yên Tử nằm ở cánh cung nào sau đây?

- A. Ngân Sơn. B. Đông Triều. C. Bắc Sơn. D. Sông Gâm.

Câu 51. Vùng nội thủy của biển nước ta

- A. chỉ có ý nghĩa về kinh tế. B. có độ sâu khoảng 200 m.
C. có chiều rộng là 12 hải lí. D. ở phía trong đường cơ sở.

Câu 52. Bão đổ bộ vào vùng ven biển nước ta thường gây ra

- A. cháy rừng. B. ngập mặn. C. lũ ống. D. sương muối.

Câu 53. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ nước ta

- A. có thiên nhiên giống vùng cận nhiệt.
B. có địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.
C. chỉ có địa hình núi và cao nguyên.
D. là miền duy nhất có đủ ba đai cao.

Câu 54. Địa hình nước ta

- A. có cấu trúc cổ. B. có nhiều núi cao.
C. cao ở phía đông. D. chỉ có núi thấp.

Câu 55. Vùng biển nước ta tiếp giáp với vùng biển của

- A. Mi-an-ma. B. Phi-lip-pin. C. Đông Timo. D. Nhật Bản.

Câu 56. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hình thể, cho biết dãy núi nào sau đây nằm ở biên giới Việt – Lào?

- A. Dãy Tam Đảo. B. Dãy Hoàng Liên Sơn.
C. Dãy Pu Đen Đinh. D. Dãy Con Voi.

Câu 57. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hình thể, cho biết đỉnh núi nào sau đây nằm ở vùng Trường Sơn Nam?

- A. Núi Mẫu Sơn. B. Núi Phú Hoạt. C. Núi Vọng Phu. D. Núi Rào Cỏ.

Câu 58. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng 9 trên vùng biển nước ta bão thường di chuyển về hướng nào?

- A. Đông Nam. B. Đông. C. Tây Bắc. D. Tây.

Câu 59. Đất feralit ở vùng đồi núi nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có màu đỏ vàng. B. Có màu xám đen.
C. Tầng đất rất mỏng. D. Có tính kiềm mạnh.

Câu 60. Sinh vật tự nhiên nước ta có tính đa dạng sinh học cao thể hiện ở

- A. có nhiều kiểu hệ sinh thái. B. có nhiều loài bị tuyệt chủng.
C. đã lập nhiều vườn quốc gia. D. nhiều loài đang bị mất dần.

Câu 61. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết thành phố nào sau đây là thành phố trực thuộc trung ương?

- A. Cần Thơ. B. Sa Đéc. C. Vũng Tàu. D. Cà Mau.

Câu 62. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các nhóm đất và các loại đất chính, cho biết vùng núi Trường Sơn Nam có loại đất nào sau đây?

- A. Đất feralit. B. Đất cát biển. C. Đất mặn. D. Đất phèn.

Câu 63. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Thực vật và động vật, cho biết vườn quốc gia nào sau đây ở trên đảo?

- A. Núi Chúa. B. Cà Mau. C. Cát Tiên. D. Côn Đảo.

Câu 64. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Đơn vị: nghìn người)

Quốc gia	Việt Nam	Thái Lan	In-đô-nê-xi-a	Phi-lip-pin
Thành thị	36 727	35 698	154 189	52 008
Nông thôn	60 612	34 102	119 335	57 573

(Nguồn: www.danso.org)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ lệ dân thành thị của một số quốc gia năm 2020?

- A. Phi-lip-pin cao hơn Việt Nam. B. In-đô-nê-xi-a thấp hơn Thái Lan.
C. Thái Lan thấp hơn Phi-lip-pin. D. Việt Nam cao hơn Thái Lan.

Câu 65. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thu Bồn?

- A. Sông Bồ. B. Sông Côn. C. Sông Bến Hải. D. Sông Cái.

Câu 66. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền địa lí tự nhiên, cho biết lát cắt A-B cắt qua địa điểm nào sau đây?

- A. Sơn nguyên Đồng Văn. B. Dãy Con Voi.
C. Thung lũng sông Lô. D. Cao nguyên Mộc Châu.

Câu 67. Khu vực đồng bằng ven biển nước ta

- A. do phù sa các sông lớn bồi tụ. B. có hệ thống đê sông ngăn lũ.
C. thường phân chia làm ba dải. D. chủ yếu là đất phù sa màu mỡ.

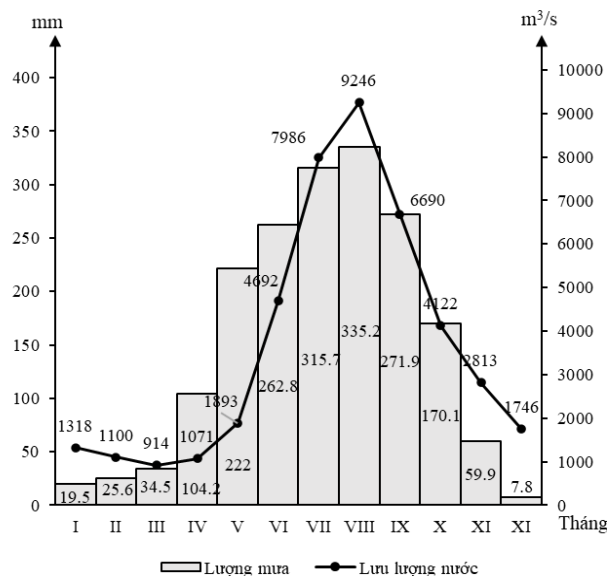
Câu 68. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết đảo Phú Quý thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

- A. Bình Thuận. B. Bình Định. C. Ninh Thuận. D. Lâm Đồng.

Câu 69. Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có biên độ nhiệt cao hơn phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do

- A. nằm gần chí tuyến, hoạt động của gió mùa, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.
B. nằm ở vùng nội chí tuyến, hoạt động của gió Tín phong, địa hình nhiều đồi núi.
C. nằm xa xích đạo, hoạt động của gió đông bắc, số lần Mặt trời lên thiên đỉnh.
D. nằm gần vùng xích đạo, hoạt động của gió đông bắc, núi có hướng cánh cung.

Câu 70. Cho biểu đồ về lượng mưa và lưu lượng nước sông Hồng tại trạm Sơn Tây (Hà Nội)



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê, 2023)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu lượng mưa và tốc độ tăng lưu lượng nước.
B. Lượng mưa và lưu lượng nước theo các tháng.
C. Tốc độ tăng lượng mưa và cơ cấu lưu lượng nước.
D. So sánh lượng mưa và nhiệt độ theo các tháng.

Câu 71. Vùng núi Đông Bắc có nhiều đồi núi thấp chủ yếu do

- A. cấu trúc nền cổ, quá trình phong hóa và bồi tụ mạnh, con người.
B. vị trí địa lí, vận động Tân kiến tạo, quá trình xâm thực mạnh.
C. cấu trúc nền cổ, vận động hạ xuống, quá trình phong hóa yếu.
D. vận động nâng lên, quá trình xâm thực và bồi tụ xảy ra mạnh.

Câu 72. Nhiệt độ nước biển nước ta không đồng nhất chủ yếu do

- A. biển rộng, hoạt động của gió mùa, độ sâu vùng biển.
B. nằm trong vùng nội chí tuyến, có gió mùa hoạt động.
C. biển kín, gió Mậu dịch hoạt động, độ muối khác nhau.
D. nằm ở nhiều vĩ độ, có dòng biển nóng, lạnh hoạt động.

- Câu 73.** Thiên nhiên nước ta phân hóa theo chiều Đông sang Tây chủ yếu do tác động của các yếu tố
- vị trí địa lí, hình thể lãnh thổ, gió.
 - hình dạng lãnh thổ, gió mùa, bão.
 - địa hình, gió, hướng các dãy núi.
 - hướng núi, gió mùa, Biển Đông.
- Câu 74.** Địa hình bề mặt đồng bằng sông Hồng bị chia cắt thành nhiều ô chủ yếu do
- chế độ nước sông theo mùa và lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
 - mạng lưới sông ngòi dày đặc và có hệ thống đê biển ngăn mặn.
 - nằm ở hạ lưu của sông lớn và có nhiều đê sông, đê biển bao bọc.
 - xây dựng hệ thống đê sông và hoạt động sản xuất của con người.
- Câu 75.** Thiên nhiên miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ khác với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chủ yếu do
- vị trí gần chí tuyến, gió đông bắc, địa hình vùng núi, áp thấp.
 - gió mùa, nằm trong vùng nội chí tuyến, ngoại lực, địa hình núi.
 - vị trí xa xích đạo, gió, hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh, nội lực.
 - gió tây nam và gió mùa Đông Bắc, nằm xa xích đạo, địa hình.
- Câu 76.** Ven biển Trung Bộ nước ta mùa mưa đến muộn hơn các khu vực khác chủ yếu do
- gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, dải hội tụ nhiệt đới, dãy Trường Sơn.
 - gió tây nam từ Bắc Ấn Độ dương, Tín phong, dải hội tụ nhiệt đới, áp thấp.
 - gió phơn Tây Nam, gió mùa Tây Nam, gió đông bắc, dải hội tụ nhiệt đới, bão.
 - Tín phong bán cầu Bắc, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, bão, áp thấp.
- Câu 77.** Đại nhiệt đới gió mùa ở nước ta có hệ sinh thái phong phú đa dạng chủ yếu do
- khí hậu mát mẻ, lượng mưa lớn theo mùa, nhiều núi.
 - nhiệt độ phân hóa đa dạng, mưa nhiều, đất màu mỡ.
 - có mùa hạ nóng, mưa theo mùa, địa hình núi đa dạng.
 - nền nhiệt độ cao, mưa và ẩm phân hóa, đất đa dạng.
- Câu 78.** Vùng núi đá vôi ở nước ta có nhiều hang động chủ yếu do
- nhiều đá trầm tích, phong hóa lí học mạnh, mưa theo mùa.
 - đá dễ hòa tan, nhiệt độ cao, mưa nhiều, phong hóa mạnh.
 - địa hình dốc, nhiều nắng, mưa theo mùa, xâm thực mạnh.
 - thực vật giảm, nhiệt độ thấp, mưa nhiều, bóc mòn mạnh.
- Câu 79.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2008 - 2021

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	Tổng diện tích rừng	Trong đó	
		Rừng tự nhiên	Rừng trồng
2008	13 118,3	10 348,6	2 770,2
2015	14 061,9	10 175,5	3 886,3
2019	14 609,2	10 292,4	4 316,8
2021	14 745,2	10 171,7	4 573,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô diện tích rừng của nước ta giai đoạn 2008 – 2021, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- cột, đường.
 - tròn, đường.
 - miền, tròn.
 - cột, tròn.
- Câu 80.** Trung Bộ nước ta có mưa vào tháng IX chủ yếu do tác động của
- gió mùa Đông Bắc, dải hội tụ nhiệt đới, bão.
 - gió tây nam, gió đông bắc, bão và áp thấp.
 - gió phơn Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, frông.
 - gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, bão.

----- **HẾT** -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXBGD Việt Nam xuất bản.

MÔN ĐỊA - KHỐI LỚP 12

Câu	301	302	303	304	305	306	307	308	309	310	311	312	313
41	B	D	A	C	C	C	B	C	D	A	B	A	C
42	C	B	D	C	B	D	D	A	B	C	D	C	D
43	B	C	A	B	B	A	B	B	A	C	B	D	A
44	C	B	A	C	A	C	C	D	D	C	A	B	D
45	B	C	B	B	B	C	B	A	D	B	A	C	B
46	C	B	C	A	C	C	C	A	B	D	B	B	A
47	C	D	D	B	D	D	D	A	C	C	C	D	C
48	C	B	A	C	C	A	B	C	D	D	D	D	D
49	C	A	B	D	A	B	B	B	C	B	C	D	B
50	B	B	A	C	A	C	D	B	A	A	A	B	A
51	D	A	B	B	C	A	D	D	A	C	A	B	D
52	B	A	D	B	D	A	C	B	A	A	D	D	A
53	D	D	C	A	C	D	B	A	C	B	A	C	D
54	A	D	B	D	C	D	D	B	A	D	A	B	D
55	B	D	A	B	A	D	D	A	C	A	B	D	D
56	C	A	D	A	A	B	C	A	C	B	D	B	D
57	C	B	D	D	D	A	B	C	A	A	C	C	C
58	D	B	C	A	D	D	C	C	B	B	C	C	B
59	A	A	A	C	B	C	A	C	A	B	D	A	C
60	A	A	D	A	D	C	D	C	D	B	B	A	D
61	A	C	A	A	C	D	C	C	D	D	B	C	A
62	A	C	A	B	C	D	B	C	D	B	C	D	B
63	D	D	B	D	D	D	B	D	C	D	D	B	C
64	A	A	A	A	A	D	B	C	A	C	A	B	A
65	D	C	C	B	C	B	A	C	C	A	D	D	C
66	A	D	B	C	C	D	B	B	A	A	C	B	B
67	C	D	B	C	A	B	D	B	D	B	B	B	B
68	A	B	B	B	A	B	B	B	D	B	C	D	A
69	A	A	B	A	D	D	C	A	A	B	A	C	B
70	B	C	A	C	A	A	D	D	C	C	B	B	D
71	B	C	C	B	C	B	D	B	C	C	C	A	B
72	A	C	B	B	A	C	C	C	C	A	B	C	D
73	A	C	A	A	B	B	A	A	A	D	A	A	A
74	D	B	A	A	B	D	C	B	D	B	D	C	B
75	C	D	B	C	C	A	D	C	B	B	D	B	B
76	C	C	C	C	D	B	A	A	B	B	A	C	C
77	D	A	A	B	B	A	D	B	C	D	A	C	D
78	B	C	C	D	A	D	C	B	D	D	C	C	C
79	A	D	A	A	B	D	D	B	B	D	D	C	D
80	D	A	C	C	D	B	A	B	C	B	A	D	D

314	315	316	317	318	319	320	321	322	323	324
C	B	D	B	C	B	A	A	A	C	C
C	B	D	C	C	B	A	C	D	C	A
A	C	D	D	B	A	C	A	D	B	C
A	B	A	C	C	B	B	B	B	C	B
D	C	A	C	B	A	D	C	C	A	C
A	C	A	C	B	B	C	A	D	B	C
A	A	B	C	D	D	A	C	B	A	C
C	A	C	C	C	A	D	A	B	A	A
C	B	C	C	C	B	A	B	D	C	D
C	C	C	B	A	D	D	A	A	D	B
A	B	C	D	A	A	A	C	D	D	C
B	A	B	A	C	D	B	A	C	A	A
D	D	D	A	B	A	C	A	A	A	A
A	A	C	C	A	A	B	B	D	D	B
B	D	C	C	A	A	C	A	B	C	C
D	B	A	B	A	D	A	B	D	B	B
C	C	D	D	A	C	D	C	C	C	B
B	C	C	C	A	C	D	D	B	A	A
D	A	A	D	D	D	A	A	A	D	D
A	C	D	D	B	D	C	C	C	D	C
D	B	A	A	B	D	A	A	D	B	B
A	A	B	B	C	C	B	B	A	A	B
A	D	D	C	A	B	D	A	B	A	C
C	B	A	B	B	A	A	B	B	C	A
D	B	C	D	A	B	C	A	C	A	A
D	B	B	C	A	B	C	D	C	A	B
A	D	D	C	D	C	C	B	D	A	B
D	A	B	C	C	C	C	C	D	B	B
A	A	A	C	D	B	C	D	D	C	A
C	B	D	C	B	B	A	D	D	C	D
A	A	B	C	A	C	A	C	B	C	D
D	B	B	A	B	B	C	D	C	B	D
A	D	D	A	D	A	D	C	D	A	D
D	C	A	A	A	A	D	A	A	A	C
D	B	D	C	D	B	D	C	B	D	D
C	C	D	D	A	A	C	A	B	D	B
A	B	B	D	C	B	D	D	B	B	C
D	D	B	A	C	A	B	C	D	D	A
A	C	C	C	B	D	B	B	B	A	B
C	B	A	C	D	C	C	A	D	A	B